

Bản án số: 139/2024/DS-ST

Ngày: 29-10-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đạt
2. Bà Trần Thị Như Quỳnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Trụ sở: Số H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Tô Trung K, Chức vụ: Trưởng Phòng KHKD Ngân Hàng N, chi nhánh huyện K (Giấy uỷ quyền ngày 02/8/2024). Có mặt

Địa chỉ: Số M, đường H, khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972. Có mặt

2. Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1984. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N có cho ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị M vay số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tại hợp đồng tín dụng số: 7701-LAV-202200070 ký ngày 18/02/2022. Dư nợ đến ngày 06/6/2024 là 200.000.000 đồng cụ thể:

- Ngày 19/4/2022 giải ngân 195.000.000 đồng, dư nợ hiện tại là 130.000.000 đồng, lãi suất cho vay 10%/năm; Mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà. Thời gian vay là 36 tháng, thỏa thuận trả nợ gốc 19/4/2023 trả 65.000.000 đồng, 19/4/2024 trả 65.000.000 đồng và 18/4/2025 trả 65.000.000 đồng, tuy nhiên ông D bà L chỉ trả được lần đầu là 65.000.000 đồng đến nay còn dư nợ là 130.000.000 đồng.

- Ngày 16/3/2023 giải ngân 5.000.000 đồng, lãi suất cho vay 12%/năm; Mục đích vay vốn: Nuôi bò, thời gian cho vay 12 tháng; trả lãi 6 tháng/lần. Đến nay còn dư nợ gốc là 5.000.000 đồng.

- Ngày 21/3/2023 giải ngân 65.000.000 đồng, lãi suất cho vay 12%/năm, mục đích vay vốn: nuôi bò, thời gian cho vay 12 tháng, trả lãi 06 tháng/lần. Đến nay còn dư nợ gốc là 65.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp dùng để bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 7701-LCL-201700241/HĐTC ngày 05/4/2017 và Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp ngày 18/02/2022 là quyền sử dụng đất số BO252513 nền 241b, diện tích 100m², mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn đất toạ lạc tại ấp S, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang do ông Nguyễn Văn D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Mỹ L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết trong hợp đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông Tô Trung K là đại diện của Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Mỹ L phải trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi tính ngày 29/10/2024 là: 22.284.892 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 222.284.892 đồng. Đồng thời yêu cầu tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Mỹ L không thanh toán được nợ theo yêu cầu thì đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ vay cho Ngân hàng N.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông thừa nhận ông cùng vợ là bà Lê Thị Mỹ L có vay tiền của Ngân hàng N – chi nhánh K với các lần như Ngân hàng trình bày, tổng cộng số tiền nợ gốc đến nay

chưa trả là 200.000.000 đồng. Khi vay vợ chồng ông có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 100m² tại ấp S, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Do làm ăn khó khăn nên chưa có khả năng trả số nợ trên cho Ngân hàng. Tại phiên tòa ông D xin được trả dần gốc và lãi mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ L vắng mặt nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2024 bà trình bày:

Bà thừa nhận bà và ông Nguyễn Văn D có ký hợp đồng vay tài sản của Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tuy nhiên chồng bà chỉ nói vay tiền và bà có ký tên vay chứ bà không biết vay bao nhiêu. Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng bà trả nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi phát sinh thì bà đồng ý, nhưng do làm ăn thất bại vợ chồng bà không có khả năng trả nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đúng trình tự theo quy định.

Nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ, trường hợp không trả được thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật:

- Về tố tụng: Bà Lê Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà L.

- Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng N và ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Mỹ L có ký hợp đồng tín dụng số 7701-LAV-202200070 ký ngày 18/02/2022 với hạn mức vay là 200.000.000 đồng, thời gian cho vay và ký hạn nợ theo từng báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ cụ thể các lần nhận nợ là: Ngày 19/4/2022 giải ngân 195.000.000 đồng, đã trả được 65.000.000 đồng còn dư nợ hiện tại là 130.000.000 đồng; Ngày 16/3/2023 giải ngân 5.000.000 đồng, dư nợ gốc hiện tại là 5.000.000 đồng; Ngày 21/3/2023

giải ngân 65.000.000 đồng, dư nợ gốc hiện tại là 65.000.000 đồng. Đến hạn trả nhưng ông D bà L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng, đến nay còn nợ số tiền 200.000.000 đồng, ông D bà L cũng thừa nhận còn nợ số tiền này nhưng do làm ăn thất bại nên không có khả năng trả, do các bên đều thống nhất số nợ nên đây là sự kiện không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy việc Ngân hàng N yêu cầu vợ chồng ông D bà L trả số tiền 200.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về phần lãi Ngân hàng N yêu cầu tính đến ngày 29/10/2024 là 22.284.892 đồng là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 13 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Mỹ L phải trả cho Ngân hàng N nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi là 22.284.892 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 222.284.892 đồng và lãi phát sinh từ ngày 30/10/2024 theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Về tài sản thế chấp: Ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Mỹ L đã ký hợp đồng thế chấp số 7701-LCL-201700241/HĐTC ngày 05/4/2017 và Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp số 7701-LCL-201700241/HĐTC ngày 18/02/2022 là quyền sử dụng đất số BO252513 nền 241b, diện tích 100m², mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn đất toạ lạc tại ấp S, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang do ông Nguyễn Văn D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông D bà L cũng thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp này, do hợp đồng thế chấp là để đảm bảo số nợ vay của của ông D bà L vì vậy trường hợp ông D, bà L không trả được nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Xét việc ông D xin được trả dần Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Vì phía nguyên đơn không thống nhất và việc xem xét thời gian, điều kiện Thi hành án là thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông D bà L bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 292, 298, 299, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử:

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Mỹ L phải trả cho Ngân hàng N nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 29/10/2024 là: 22.284.892 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 222.284.892đ (Hai trăm hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 7701-LAV-202200070 ký ngày 18/02/2022.

Trường hợp ông D bà L không trả được nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 7701-LCL-201700241/HĐTC ngày 05/4/2017 và Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp số 7701-LCL-201700241/HĐTC ngày 18/02/2022.

Về án phí:

- Ngân hàng N được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.360.790 đ (Năm triệu ba trăm sáu mươi nghìn bảy trăm chín mươi đồng) theo biên lai số 0004066 ngày 22/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Mỹ L bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí là 11.114.244 đ (Mười một triệu một trăm mười bốn nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng).

3/. Quyền kháng cáo: Ngân hàng N, ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/10/2024). Bà Lê Thị Mỹ L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA DS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành